

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019 /HNGĐ-ST

Ngày: 13/02/2019

V/v tranh chấp “ ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY - TIỀN GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông **Bùi Thanh Giảng**.

Hội thẩm nhân dân :

1/ Bà **Lý Thị Bé Năm**

2/ Bà **Nguyễn Thị Thúy Vân**

Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Công Danh** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lay: Không tham gia.

Ngày 13/02/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 369/2018/TLST- HNGĐ ngày 04/12/ 2018 về việc “ ly hôn ” theo quyết định xét xử số 02/2019/QĐST-HNGĐ ngày 07/01/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2019/QĐST-HNGĐ ngày 24/01/2019 giữa các đương sự :

Nguyên đơn : Anh Lê Văn U, sinh 1969.(có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn : Chị Nguyễn Thị Cẩm G, sinh 1974 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn anh Lê Văn U trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Cẩm G tự nguyện chung sống như vợ chồng từ năm 2014, có đăng ký kết hôn ngày 16/02/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Nhị Quý, thị xã Cai lay, tỉnh Tiền Giang. Hai người chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn, sau đó đến năm 2015 thì hai người phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng với nhau về quan điểm sống, thường xuyên xung đột, cãi vã. Anh chị cũng cố gắng hàn gắn tình cảm để cùng lo phát triển kinh tế gia đình nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Anh cảm thấy tình cảm với chị G không còn nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị G.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn : Chị Nguyễn Thị Cẩm G, từ sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có triệu tập hợp lệ để làm bản tự khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng

cứ, tham gia hòa giải nhưng chị vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án không thu thập được chứng cứ, không tiến hành hòa giải được và phiên tòa xét xử đến lần 2 chị G vẫn vắng mặt.

* Tài liệu do nguyên đơn cung cấp: Đơn khởi kiện; Bản tự khai; Bản sao giấy chứng minh nhân dân; bản sao sổ hộ khẩu; Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Bị đơn cung cấp: Không có. Tòa án thu thập: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ đơn yêu cầu của anh Lê Văn U và giấy chứng nhận kết hôn số 06/2016 của Ủy ban nhân dân xã Nhị Quý, thị xã Cai Lậy thì anh U và chị Nguyễn Thị Cẩm G chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2014, đến ngày 16/02/2016 mới đăng ký kết hôn, anh U khởi kiện chị G về việc ly hôn thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với chị G nhưng chị vắng mặt không rõ lý do, anh U có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt anh U, chị G theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy đã là vợ chồng thì phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Chị G và anh U từ khi chung sống với nhau đến nay chỉ hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp nhau, bất đồng với nhau về quan điểm sống, hai người thường xuyên xung đột, cãi vã. Anh chị cũng đã hàn gắn nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, anh chị đã ly thân với nhau, anh U cảm thấy tình cảm với chị G không còn nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị G. Đối với chị G, sau khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã triệu tập hợp lệ để làm bản khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, tham gia hòa giải, xét xử nhưng anh vẫn vắng mặt không rõ lý do, chị G không đến chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị G và anh U là có thật, chị không mong muốn hàn gắn tình cảm và không tôn trọng pháp luật. Từ những phân tích trên, có căn cứ để Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn giữa chị G và anh U là đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh U là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung: Không có nên không xem xét.

Về tài sản chung: Không xem xét.

Về nợ chung: Không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn là anh Lê Văn U phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều các Điều 51, 53, 54, 56, 57, Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử: - Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn U.

Anh Lê Văn U được ly hôn với chị Nguyễn Thị Cẩm G.

Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Không xem xét.

- Về nợ chung: Không xem xét.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Lê Văn U phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Anh U đã nộp 300.000 đồng(Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0001923 ngày 04/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy nên xem như đã nộp xong.

Về quyền kháng cáo: Anh U, chị G được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ .

Nơi nhận :

- TAND tỉnh TG;
- VKSND TX CL;
- Chi cục THADS TX CL;
- UBND xã Nhị Quý, TXCL;
- Các đương sự;
- Lưu .

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thanh Giảng